

**HỌ ĐUÔI RẮN OPHIONEREIDIDAE
(OPHIUROIDEA, ECHINODERMATA) Ở BIỂN VIỆT NAM**

ĐÀO TẤN HỒ, NGUYỄN THỊ MỸ NGÂN

Viện Hải dương học, Nha Trang

Họ Ophionereididae Ljungman, 1867 được đặc trưng bởi các đặc điểm sau: có đĩa thân được bao phủ bởi rất nhiều vảy; các đôi thuẩn xuyên tâm ở các gốc tay thường có kích thước nhỏ và nằm cách xa nhau; xương hàm tròn, không mụn; thuẩn miệng thường có hình mũi dáo và thùy phía trong nhọn hơn phía ngoài; răng rộng có dạng vuông với đầu bằng hoặc hơi cùn; số gai miệng có ít nhất là 4 trên mỗi cạnh hàm và xếp liền nhau hoặc chồng lên nhau; tay hơi dài và chắc mập, phần rộng của tay nằm xa gốc tay; các mảnh xương tay phía bụng và lưng rõ ràng và nối tiếp nhau liên tục; gai tay nhô thẳng ra; lỗ xúc tu cỡ trung bình, thường có 1 vảy xúc tu lớn tròn.

Trên thế giới, họ Ophionereididae có 37 loài thuộc 5 giống gồm *Ophiocrasis* (2 loài), *Ophiodoris* (4 loài), *Ophionereis* (32 loài), *Ophiotriton* và *Ophioneroides* có 1 loài duy nhất. Ở Việt Nam có 1 giống duy nhất là *Ophionereis* với 3 loài (4 phân loài) là *Ophionereis dubia amoyensis* Clark, 1953; *Ophionereis dubia dubia* (Muller et Troschel, 1842); *Ophionereis porrecta* Lyman, 1860 và *Ophionereis variegata* Duncan, 1879. Loài *Ophiochiton fastigatus* Lyman, 1878 trước đây cũng được xếp vào họ Ophionereididae; tuy nhiên loài này nay xếp vào họ Ophiochitonidae. Báo cáo này đưa ra mô tả chi tiết và khóa phân loại để xác định được các loài đã ghi nhận được ở nước ta.

I. PHƯƠNG PHÁP VÀ VẬT LIỆU

Báo cáo sử dụng kết quả phân tích của các chuyến điều tra về sinh vật đáy, giám sát môi trường biển và mẫu vật hiện đang lưu giữ tại Viện Hải dương học, Nha Trang và Viện Tài nguyên và Môi trường biển, Hải Phòng. Việc thống kê thành phần loài và định loại mẫu vật dựa vào các tài liệu của Sérene (1937), Dawydoff (1952), Gurjanova (1972), Nguyen Van Chung *et al.* (1978, 1991), Clark & Row (1971), Liao & Clark (1995).

II. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Theo kết quả tổng hợp từ những kết quả nghiên cứu từ trước đến nay, có 4 loài đuôi rắn thuộc giống *Ophionereis* trong họ Ophionereididae tìm thấy ở Việt Nam, gồm: *Ophionereis dubia amoyensis* Clark, 1953; *Ophionereis dubia dubia* (Muller et Troschel, 1842); *Ophionereis porrecta* Lyman, 1860 và *Ophionereis variegata* Duncan, 1879. Giống *Ophionereis* mang các đặc điểm sau: có đĩa thân mang nhiều vảy; ở mỗi đốt tay ở phía lưng có mang một đôi mảnh phụ ở hai bên; trên mỗi lỗ xúc tu có 1 vảy xúc tu lớn.

Khóa định loại các loài thuộc giống *Ophionereis*

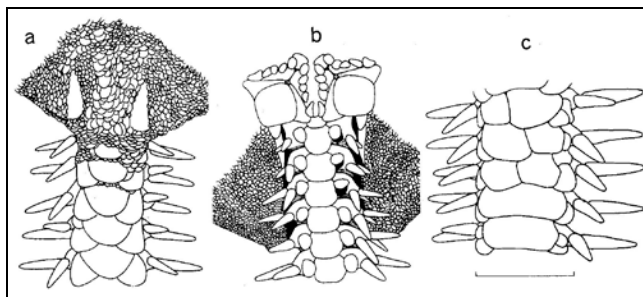
- 1. Có gai sinh dục ở viền quanh khe sinh dục..... 2
- Không có gai sinh dục. 3
- 2. Chiều dài tay gấp khoảng 5 lần đường kính đĩa thân, tám xương tay ở mặt bụng có cạnh ngoài rộng, tạo thành hình quạt.*O. variegata*
- Chiều dài tay gấp khoảng 7-8 lần đường kính đĩa thân, tám xương tay ở mặt bụng không có dạng hình quạt. *O. porrecta*

3. Màu sắc của tay chủ yếu là màu xanh xám với những băng màu đậm luân phiên nhau. Các mảnh xương tay phía lưng có chiều rộng chỉ hơn chiều dài một ít, ngay cả nơi phần tay rộng nhất..... *O. dubia dubia*

- Màu sắc của tay chủ yếu là xám đen. Các mảnh xương tay phía lưng chỗ rộng nhất có thể gấp 3 lần chiều dài *O. dubia amoyensis*

1. *Ophionereis dubia amoyensis* Clark, 1953; *Ophionereis amoyensis* Clark, 1953.
A revision of the genus *Ophionereis*. Proc. Zool. Soc. Lond., 123 (1): 88-90, Fig. 11.

Mô tả: Mẫu vật có kích thước tương đối lớn, đường kính đĩa thân có thể đạt đến 10 mm. Tay mập và chắc; các mảnh xương tay phía lưng có chiều rộng hơn chiều dài; tại phần tay rộng nhất (thường ở đoạn giữa các tay), các mảnh này có chiều rộng gấp đến 3 lần chiều dài. Tay có màu xám đen, đôi khi có những mảnh màu sáng hơn. Đĩa thân có màu xám với hình mạng lưới thô và đậm màu (Hình 1).



Hình 1: *Ophionereis dubia amoyensis*
a: Một phần mặt lưng; b: Một phần mặt bụng;
c: Một đoạn tay phía lưng (theo Liao & Clark, 1995)

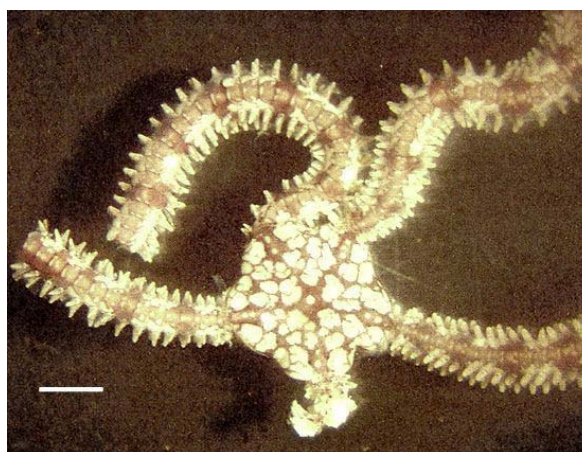
Vật mẫu nghiên cứu: Lưu giữ tại Viện Tài nguyên và Môi trường biển, Hải Phòng.

Sinh học, sinh thái học: Thường sống chung với loài Huệ biển.

Phân bố: Thế giới: Vùng biển Nhật Bản và Trung Quốc. Việt Nam: Vịnh Bắc Bộ.

2. *Ophionereis dubia dubia* (Muller & Troschel, 1842); *Ophiolepis dubia* Muller et Troschel, 1842. System der Asteriden. Braunschweig: 94. Synonym: *Ophionereis dubia*: Clark, 1923. Analls S. Afr. Mus., 13 (7): 343-344; *Ophionereis dubia sinensis* Duncan, 1879. J. Linn. Soc. (Zool): 464.

Mô tả: Loài này có kích thước tương đối nhỏ, đường kính đĩa thân trung bình khoảng 4mm, kích thước lớn nhất thường không quá 7mm. Thuần xuyên tâm nhỏ, thường không thấy rõ vằn ngoài vì bị che lấp bởi rất nhiều vây mịn ở mặt lưng. Các đốt tay phía lưng có chiều rộng bằng chiều dài hoặc rộng hơn một ít; mảnh xương tay chính có dạng tam giác nhưng góc ngoài tròn. Có 5 gai ngắn trên mỗi cạnh hàm. Màu sắc của tay thường có màu xanh xám với những băng màu đậm luân phiên nhau.



Hình 2: *Ophionereis dubia dubia* (thanh tỉ lệ = 1 mm)

Vật mẫu nghiên cứu: Lưu giữ tại Viện Hải dương học, Nha Trang.

Sinh học, sinh thái học: Thường sống trong san hô chết ở vùng nước cạn, nhưng gặp đến độ sâu > 200m.

Phân bố: Thế giới: Loài phân bố rộng ở vùng Ấn Độ - Tây Thái Bình Dương. Việt Nam: Vịnh Bắc Bộ, Hoàng Sa, vịnh Nha Trang.

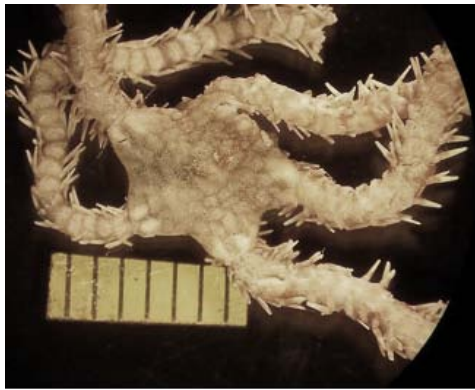
3. *Ophionereis porrecta* Lyman, 1860; *Ophionereis porrecta* Lyman, 1860. Proc. Boston Soc. Nat. Hist. 1859-61, 7: 252-262. Synonym: *Ophionereis aplacophora* Murakami, 1943. J. Dept. Agri. Imp. Univ. Kyushu 7(5): 159-204 ; *Ophionereis squamata*: Engel, 1938. Mem. Mus. r. Hist. nat. Belg., 24, Pl.4, Figs 3a, b [Non *O. squamata* Ljungman, 1867].

Mô tả: Mẫu vật thu được có kích thước tương đối nhỏ, đường kính đĩa thân thường gấp từ 6-7mm, tay dài khoảng 50-60 mm. Mặt lưng mang nhiều vảy trong đó các vảy ở vùng ngoại biên hơi lớn, các mảnh thuẫn xuyên tâm từng đôi không dính nhau. Mặt bụng ở đỉnh mỗi hàm có 1-2 gai răng và mỗi bên xương hàm có 4-5 gai miệng; các khe sinh dục được viền bởi các gai sinh dục. Các mảnh xương tay phía lưng có dạng hình thang với chiều rộng hơn dài, các mảnh phụ hai bên rất lớn chạy dọc theo suốt chiều dài của tay. Màu sắc của mẫu ngâm cồn là vàng bản, trên tay rải rác có những băng ngang màu đậm.

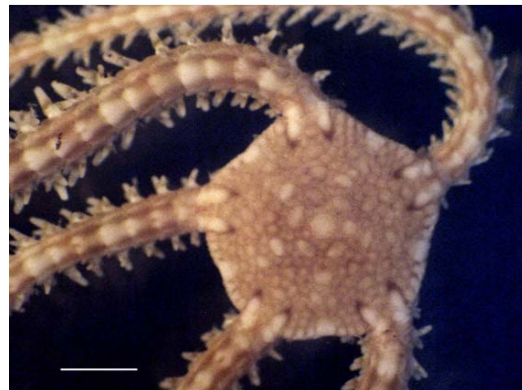
Mẫu vật nghiên cứu: Lưu giữ tại Viện Hải dương học, Nha Trang.

Sinh học, sinh thái học: Sống trong rạn san hô, từ vùng triều đến độ sâu khoảng 60 m.

Phân bố: Thế giới: loài phân bố rộng vùng Ấn Độ - Tây Thái Bình Dương, trừ vùng biển Ả Rập và I Ran. Việt Nam: Quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa (Đá Lát).



Hình 3: *Ophionereis porrecta*



Hình 4: *Ophionereis variegata* (thanh tỉ lệ: 1 mm)

4. *Ophionereis variegata* Duncan, 1879. J. Linn. Soc. (Zool): 462, Pl. 10, Figs. 15-16. Synonym: *Ophionereis porrecta*: Matsumota, 1917. J. Col. Sci., Imp. Univ. Tokyo 38: 335, Fig. 93a, b. [non *O. porrecta* Lyman, 1860].

Mô tả: Mẫu vật cũng có kích thước tương đối nhỏ, đường kính trung bình của đĩa thân khoảng 5mm, tay dài gấp 5 lần đĩa thân. Mặt lưng của đĩa thân mang những vảy lớn và nhỏ xen lẫn nhau và 6 mảnh xương nguyên thủy lớn có thể phân biệt được. Viền mép của các khe sinh dục được viền bởi các gai sinh dục. Trên mỗi bên của đốt tay, có ít nhất một vảy phụ bên xen vào giữa. Các mảnh xương tay phía bụng có dạng quạt và phần rộng hơn nằm ở phía ngoài. Mặt lưng của đĩa thân trong mẫu ngâm cồn có màu hơi tím với các đường sáng tỏa ra. Thuần xuyên tâm hơi trắng, các tay với những băng ngang màu tím và trắng.

Vật mẫu nghiên cứu: Lưu giữ tại Viện Hải dương học, Nha Trang.

Sinh học, sinh thái học: Từ vùng triều đến độ sâu khoảng 60m.

Phân bố: Thế giới: vịnh Aqaba, Biển Đỏ, Trung Quốc, Nam Nhật Bản, Indônêxia. Việt Nam: vịnh Nha Trang.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Clark A. M., F. W. E. Rowe**, 1971: Monograph of the shallow water Indo-west Pacific Echinoderms, London, British Museum (Nat. Hist.), No. 290, 238 pp.
2. **Coleman N.**, 2007: Sea stars: Echinoderms of the Asia/Indo-Pacific. Neville Coleman's Underwater Geographic, Australia, 136 pp.
3. **Đào Tấn Hổ**, 1991: *Tạp chí Sinh học*, 10(PC): 44-47.
4. **Đào Tấn Hổ**, 1992: *Tạp chí Sinh học*, 14(2): 12-15.
5. **Đào Tấn Hổ**, 1996: Tuyển tập Nghiên cứu biển, VII: 52-58.
6. **Đào Tấn Hổ**, 2002: *Tạp chí Khoa học và Công nghệ biển*, 2(1): 1-11.
7. **Đào Tấn Hổ**, 2005: *Tạp chí Khoa học và Công nghệ biển*, 4(5): 139-149.
8. **Đào Tấn Hổ**, 2006: Tuyển tập nghiên cứu biển, XV: 231-240.
9. **Gurjanova E. F.**, 1972: Fauna of the Tonkin Gulf and its environmental condition. Explorations of the fauna of the seas. Acad. Sci. USSR., Zool. Inst., 10 (18): 22-146
10. **Liao Y., A. M. Clark**, 1995: The echinoderms of Southern China, Science Press, Beijing, China, 614 pp.
11. **Nguyễn Văn Chung, Đào Tấn Hổ, Lê Trọng Minh, Nguyễn Huy Yết, Tôn Thất Thống, Trần Đình Nam, Tạ Minh Đường, Phạm Thị Dự, Nguyễn Văn Luợm, Nguyễn Thị Huệ, Lê Quốc Dũng**, 1991: Tuyển tập nghiên cứu biển, III: 137-149 .
12. **Nguyễn Văn Chung, Đào Tấn Hổ, Lê Trọng Minh, Tôn Thất Thống, Trần Đình Nam, Nguyễn Văn Luợm**, 1978: Tuyển tập nghiên cứu biển, I(1): 57-72.

OPHIONEREIDIDAE (OPHIUROIDEA-ECHINODERMATA) IN VIETNAM SEA

ĐÀO TẤN HỒ, NGUYỄN THỊ MY NGAN

SUMMARY

Four species of brittle stars of the family Ophionereididae were found in Vietnam sea. Description, synonyms, distribution and ecology of each species were presented. The report also provided a key for identification of Ophionereididae in Vietnam sea.